| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BẾN LỨC**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 11/2024/LĐ-ST<br>Ngày: 29-3-2024<br>V/v tranh chấp đòi tiền lương, tiền bảo hiểm và bồi thường chi phí đi lại | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đoàn Thanh Lâm

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Hoàng Nam – Trưởng phòng Lao động Thương Binh và Xã hội huyện Bến Lức;

2. Bà Dương Thị Sáu – Cán bộ hưu trí.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Phước Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Bích Duyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 368/2023/TLST–LĐ ngày 24/11/2023 về việc "tranh chấp đòi tiền lương, tiền bảo hiểm và bồi thường chi phí đi lại", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-LĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

(Văn bản ủy quyền ngày 07/11/2023)

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần L.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê T1 – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô D, Đường D, Khu Công nghiệp P, xã A, huyện B, tỉnh Long An. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội huyện B.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Lê Thị Huỳnh H1, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số B N, Khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị Ngọc H do bà Nguyễn Thị Thanh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 01/10/2018, giữa bà Lê Thị Ngọc H và Công ty Cổ phần L có ký Hợp đồng lao động số 1005/2018-HĐLĐ, loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Theo hợp đồng lao động này, bà H đã làm việc ở công ty từ ngày 01/10/2018. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần L đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng và quy định pháp luật về lao động. Do Công ty Cổ phần L đã không trả lương, nên bà H đã nghỉ việc từ tháng 8/2022 đến nay. Ngoài ra, công ty đã không đóng bảo hiểm xã hội cho bà H từ tháng 05/2021 đến tháng 7/2022. Theo văn bản xác nhận của Bảo hiểm xã hội huyện B thì Công ty Cổ phần L còn nợ số tiền bảo hiểm là 39.413.196 đồng. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu:

Buộc Công ty Cổ phần L phải đóng tiền bảo hiểm cho bà Lê Thị Ngọc H với số tiền là 39.413.196 đồng.

Bồi thường chi phí đi lại để yêu cầu công ty T2 và bảo hiểm với số tiền là 10.000.000 đồng.

Ngày 20/02/2024, Bà Nguyễn Thị Thanh T là đại diện ủy quyền của bà H rút lại yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty Cổ phần L bồi thường chi phí đi lại để yêu cầu công ty T2 và bảo hiểm với số tiền là 10.000.000 đồng.

Bị đơn là Công ty Cổ phần L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng đại diện Công ty Cổ phần L đều vắng mặt không có lý do. Công ty Cổ phần L cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được, nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội huyện B cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến số tiền mà Công ty Cổ phần L còn nợ. Bảo hiểm Xã hội huyện B đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 73 và Điều 85, 86 Bộ luật Tố

tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Hợp đồng lao động  ký kết giữa bà H và Công ty Cổ phần L là hợp đồng lao động hợp pháp, có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Theo quy định khoản 1 Điều 168 Bộ luật Lao độngĐiều 2 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hộingười sử dụng lao động, người lao động phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; hàng tháng người sử dụng lao động có trách nhiệm trích tiền lương của người lao động để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội. Việc Công ty L không thực hiện đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 5/2021 đến tháng 7/2022 cho bà H là trái quy định của pháp luật nên cần phải buộc Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội với số tiền gốc và tiền lãi phạt chậm đóng theo bảng tạm tính của Bảo hiểm xã hội là 39.413.196 đồng. Công ty L còn phải chịu lãi trên số tiền bảo hiểm chậm đóng theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế.

Về yêu cầu bồi thường chi phí đi lại để đòi nợ lương, mất việc làm, chi phí khởi kiện số tiền 10.000.000 đồng: do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã có đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện là rút lại một phần yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Từ những nhận định trên, Căn cứ các Điều 6, 13, 20, 21, Điều 168, Điều 188 của Bộ luật Lao độngĐiều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 21, Điều 85, Điều 86, khoản 2 Điều 89, Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn tranh chấp đòi tiền lương, tiền bảo hiểm, bồi thường chi phí đi lại, bị đơn có trụ sở chính tại xã A, huyện B, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp là "tranh chấp đòi tiền lương, tiền bảo hiểm và bồi thường chi phí đi lại". Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về xác định tư cách đương sự: Theo đơn khởi kiện, bà Lê Thị Ngọc H khởi kiện tranh chấp đòi tiền lương, tiền bảo hiểm và bồi thường chi phí đi lại nên được xác định là nguyên đơn. Căn cứ khoản 3 và khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định Công ty Cổ phần L là bị đơn, Bảo hiểm xã hội huyện B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về việc vắng mặt đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T, Bảo hiểm xã hội huyện B có đơn xin vắng mặt. Bị đơn Công ty Cổ phần L đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại

khách quan. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự.

[4] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Ngày 20/02/2024, người đại diện theo ủy quyền của bà H xin rút lại yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty Cổ phần L bồi thường chi phí đi lại để yêu cầu công ty T2 và bảo hiểm với số tiền là 10.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy bà H rút yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện mà bà H đã rút.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị Ngọc H, thấy rằng:

[5.1] Ngày 01/10/2018, giữa bà Lê Thị Ngọc H và Công ty Cổ phần L có ký Hợp đồng lao động số 1005/2018-HĐLĐ, loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Tại Điều 3 Hợp đồng lao động có thỏa thuận *"bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: theo quy định của luật lao động"*. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng lao động và thỏa thuận về mức đóng bảo hiểm theo quy định Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

[5.2] Bà H trình bày, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần L đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng và quy định pháp luật về lao động. Cụ thể, Công ty Cổ phần L không đóng bảo hiểm cho bà H từ tháng 5/2021 đến tháng 7/2022. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu buộc Công ty Cổ phần L phải đóng tiền bảo hiểm cho bà Lê Thị Ngọc H với số tiền là 39.413.196 đồng từ tháng 5/2021 đến tháng 7/2022.

[5.3] Xét thấy, Công ty Cổ phần L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng Công ty Cổ phần L đều vắng mặt không có lý do. Công ty Cổ phần L cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét lời trình bày của bị đơn.

[5.4] Để xác định về việc tham gia bảo hiểm cho bà H và số tiền nợ bảo hiểm xã hội, ngày 14/12/2023, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã ban hành Công văn số 858/2023/CV-TA về việc cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ gửi Bảo hiểm xã hội huyện B. Tại Công văn số 496/CV-BHXH ngày 22/12/2023 của Bảo hiểm xã hội huyện B phúc đáp theo yêu cầu của Tòa án và tài liệu kèm theo đã xác định bà H có tham gia bảo hiểm theo Số sổ bảo hiểm là 7913214423 tại đơn vị Công ty Cổ phần L gồm các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp. Hiện tại, Công ty Cổ phần L còn nợ Bảo hiểm xã hội huyện B tổng số tiền chậm đóng và tiền lãi chậm đóng cho bà H đến tháng 7/2022 là 39.413.196 đồng. Như vậy, cĩ cơ sở xc ịnh bị H chấm dứt hợp ồng lao ộng với cơng ty từ thng 7/2022 nhưng phía cơng ty khơng nộp bảo hiểm cho bị H từ thng 5/2021 ến thng 7/2022 là vi phạm quy ịnh tại khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 về nghĩa vụ của người sử dụng lao ộng. Do ĩ, yu cầu khởi kiện của nguyn

ơn về việc buộc Cơng ty Cổ phần L phải thanh toán cho Bảo hiểm xã hội huyện B tổng số tiền chậm đóng và tiền lãi chậm đóng cho bà H đến tháng 7/2022 là 39.413.196 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5.5] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần L phải chịu 300.000 đồng án phí không giá ngạch về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền bảo hiểm còn nợ theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Lê Thị Ngọc H không phải chịu án phí. Do bà H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà H.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 244, 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 168, 188 Bộ luật Lao động 2019; Điều 17, 18, 19, 21, 85, 86, 89, 122 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 12, 14, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị Ngọc H đối với bị đơn là Công ty Cổ phần L về việc yêu cầu bồi thường chi phí đi lại là 10.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị Ngọc H đối với bị đơn là Công ty Cổ phần L về tranh chấp tiền bảo hiểm.

Buộc Công ty Cổ phần L có nghĩa vụ nộp tiền bảo hiểm còn nợ (từ tháng 5/2021 đến tháng 7/2022) và tiền lãi chậm đóng cho bà Lê Thị Ngọc H theo Sổ sổ bảo hiểm là 7913214423 với số tiền là 39.413.196 đồng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế.

Công ty Cổ phần L còn phải chịu tiền lãi trên số tiền bảo hiểm chậm đóng theo quy định Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty Cổ phần L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Bến Lức;
-CCTHADS huyện Bến Lức;
-Các đương sự;
-Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thanh Lâm**